

## **Nhận thức về nguyên nhân và hậu quả của hiện tượng mất cân bằng giới tính khi sinh**

(Qua kết quả nghiên cứu định tính ở Hưng Yên)

**Trần Thị Thanh Loan**

Viện Gia đình và Giới

**Tóm tắt:** Dựa trên tư liệu nghiên cứu định tính của đề tài “Giá trị con cái trong gia đình Việt Nam – Những vấn đề đặt ra” do Viện Gia đình và Giới tiến hành khảo sát tháng 03/2012 tại 1 phường (Lê Lợi) và 1 xã (Bào Khê) của tỉnh Hưng Yên, bài viết muốn tìm hiểu nhận thức của người dân địa phương về nguyên nhân và hậu quả của tình trạng mất cân bằng giới tính đang diễn ra hiện nay. Sự kết hợp của ba yếu tố: việc hạn chế sinh đẻ cộng với mong muốn có con trai và việc dễ dàng tiếp cận phương tiện chuẩn đoán thai nhi sớm được cho là nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ bé trai được sinh ra nhiều hơn so với bé gái. Người dân nhận thức rất rõ việc dư thừa nam giới làm gia tăng thêm nhiều vấn đề xã hội và không những không cải thiện được vị thế của người phụ nữ mà còn gây tổn hại cho người phụ nữ cả về kinh tế lẫn sức khỏe.

**Từ khóa:** Mất cân bằng giới tính khi sinh; Nhu cầu có con trai; Dư thừa nam giới.

### **Giới thiệu**

Chức năng sinh đẻ là chức năng cố hữu của gia đình, một mặt thỏa mãn nhu cầu có con của các cặp vợ chồng, mặt khác đáp ứng nhu cầu tái sản xuất xã hội về sinh học, duy trì và phát triển dân số. Trong gia đình Việt

Nam truyền thống, nhu cầu về con cái thể hiện trên ba phương diện: phải có con, càng đông càng tốt, và nhất thiết phải có con trai (Lê Ngọc Văn, 2011). Tuy nhiên sau 10 năm triển khai thực hiện Chiến lược Dân số - Sức khỏe sinh sản thì nhu cầu phải có đông con đã có những thay đổi căn bản ở việc giảm mức sinh của người phụ nữ, giảm số con mong muốn, giảm nhu cầu nhất thiết phải có con trai. Hiện nay, hầu hết các gia đình thực hiện quy mô gia đình nhỏ - mỗi gia đình có từ một đến hai con.

Nhưng một số gia đình, do đề cao vai trò của người con trai trong việc thờ phụng tổ tiên, nối dõi tông đường và chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ già, đã đặt ra tiêu chí nhất thiết phải sinh được con trai và họ phải đối diện với những áp lực mới. Trong xã hội trước đây, để có được con trai thì các gia đình cứ chờ đến khi nào có con trai thì dừng. Nhưng hiện nay với quy mô gia đình nhỏ, những gia đình ưa thích con trai phải đảm bảo đáp ứng được hai tiêu chí: ít con và có con trai. Lựa chọn giới tính thai nhi trước khi sinh được nhiều gia đình sử dụng như là biện pháp hữu hiệu để đạt được mong muốn mà không tính đến những hậu quả do mất cân bằng giới tính mà nó đem lại. Dựa trên tư liệu nghiên cứu định tính của đề tài "Giá trị con cái trong gia đình Việt Nam - Những vấn đề đặt ra" do Viện Gia đình và Giới tiến hành khảo sát tháng 03/2012 tại 1 phường (Lê Lợi) và 1 xã (Bào Khê) của Hưng Yên, bài viết muốn tìm hiểu nhận thức của người dân về nguyên nhân và hậu quả của tình trạng mất cân bằng giới tính đang diễn ra hiện nay. Đề tài đã thực hiện phỏng vấn sâu 48 cuộc phỏng vấn sâu với các đối tượng như: 4 cán bộ dân số và cán bộ y tế của phường và xã, 18 trường hợp có con một bé (trai/gái), 16 trường hợp có cả trai lẫn gái, 4 trường hợp nuôi con một mình, 1 trường hợp chậm có con, 5 trường hợp có một con (trai/gái).

## 1. Nguyên nhân dẫn tới mất cân bằng giới tính khi sinh

Tỷ số giới tính khi sinh (TSGTKS) ở Việt Nam trở nên "nóng" từ năm 2006. Theo báo cáo *Mất cân bằng giới tính khi sinh ở Việt Nam: Bằng chứng từ Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009* của UNFPA, các nguyên nhân dẫn tới hiện tượng mất cân bằng giới tính khi sinh ở Việt Nam có thể kể đến như: tâm lý ưa thích con trai vẫn còn tồn tại cố hữu trong xã hội Việt Nam; sự sẵn có của công nghệ lựa chọn giới tính trước sinh; áp lực từ mức sinh thấp, đồng nghĩa với tăng nguy cơ không có con trai (UNFPA, 2009).

Việt Nam cùng với một số nước châu Á chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng Nho giáo truyền thống với quan niệm cho rằng chỉ có người con trai mới

có thể đảm bảo sự tiếp nối của dòng tộc theo hai nghĩa: thứ nhất, chỉ có anh ta mới có thể thờ cúng tổ tiên; thứ hai, chỉ người con trai mới có thể đảm bảo sự tiếp nối của dòng dõi huyết thống được quy định bởi chế độ phụ hệ phổ biến. Vì vậy, khi được hỏi lý do quan trọng nhất của việc phải có con trai, hầu hết những người được phỏng vấn, cho dù có nghề nghiệp, học vấn, dòng dõi, vùng địa lý và địa vị chính trị-xã hội thế nào đi nữa, đều nhấn mạnh đến việc nối dõi tông đường (UNFPA, 2011: 23). Quan điểm này cũng được khẳng định trong nghiên cứu ở Hưng Yên. Một phụ nữ 47 tuổi cho rằng: *"Bây giờ nếu như nói về xã hội thì 10 người đàn ông thì chỉ có 30% quan niệm là gái cũng được, 70% là thích nữ gay, nối dõi tông đường cho nó dài đời".* Một người phụ nữ khác, 46 tuổi, có cùng chung ý kiến: *"Để một hai con thôi, thế cho nên là người ta cứ thích là có con trai hơn để nối dõi tông đường, chứ con gái thì không có người thờ cúng, không ở với bố mẹ thì nó không vui..."*

Sự mong mỏi có con trai để nối dõi tông được thể hiện dường như mạnh mẽ ở người cha hơn là người mẹ. Một phụ nữ 56 tuổi ở nông thôn đã nhận định rằng: *"Theo chị, thì đàn ông lúc nào cũng để ý, mong mỏi (con trai) hơn nữ giới. Tại vì nữ giới mình, riêng bản thân chị, chị nghĩ đã mang thai rồi thì rất chi là xót. Mang nặng đẻ đau mà, chín tháng 10 ngày chỉ mong sao mình sinh được mẹ tròn con vuông. Nhưng riêng ý của nam giới, thì họ muốn là có con để nối dõi tông đường hơn. Mình đã lấy chồng rồi, nếu nguyện vọng được con trai là cái tốt nhất, không được thì nữ giới cũng phải chịu".* Tương tự, một phụ nữ 46 tuổi cũng cho biết khi biết chị sinh con trai *"chồng thì rất vui, chồng chị còn đi khoe với bạn bè, với người họ hàng kia là mình đẻ một nhất hai thằng chồng gây luôn mà không cần tính toán gì cả... Anh nhà chị còn bảo nếu em mà đẻ con gái thì phải đẻ cho anh một thằng nữa, kể cả đến giờ này gặp anh anh vẫn nói thế đấy, nếu thằng thứ hai là con gái thì anh vẫn bắt chị đẻ nữa chị"*

Trong bối cảnh mức sinh giảm và những thay đổi kinh tế-xã hội trong những thập kỷ gần đây, quy mô gia đình nhỏ đã trở thành một chuẩn mực được chấp nhận rộng rãi. Tuy nhiên, cách tổ chức gia đình vẫn chủ yếu tuân theo các quy tắc cứng nhắc của chế độ phụ hệ. Vai trò của con trai và con gái hầu như không thay đổi. Vì thế các gia đình cố gắng thu xếp để đạt được cả hai mục đích: có ít con và có con trai. Đạt được cả hai mục đích cùng một lúc có nghĩa là thành công. Giờ đây đứa con trai không chỉ gắn liền với những vai trò trông đợi truyền thống mà còn là biểu tượng của sự thành công. Áp lực phải thành công đè nặng lên cả gia đình. Đối với ông bà nội ngoại, đứa cháu trai là bằng chứng về phúc đức của gia đình cả hai bên. Đối với người đàn ông, đứa con trai khẳng định nam tính, sự thành

đạt và là minh chứng về lòng hiếu thảo của anh ta với cha mẹ và tổ tiên. Tuy nhiên, phụ nữ mới chính là người phải chịu nhiều tầng áp lực nhất. Giá trị của họ giờ đây được đo bằng khả năng “biết đẻ” con trai. Những cố gắng của họ để làm tròn trách nhiệm với gia đình nhà chồng chỉ được thừa nhận nếu họ sinh được con trai. Vị thế của họ có thể sẽ bị đe dọa nếu họ chỉ sinh toàn con gái. Vì thế trong một số trường hợp phụ nữ lại là người quyết tâm nhất để sinh bằng được con trai (Khuất Thu Hồng, 2010)

Mặc dù hiện nay người phụ nữ được tuyên truyền nhiều về kế hoạch hóa gia đình, về bình đẳng giới, về kiến thức sinh sản... nhưng do định kiến trọng nam khinh nữ vẫn còn và dưới áp lực từ trong gia đình, ngoài xã hội nên đôi khi người phụ nữ không thể tự quyết được hành vi sinh đẻ của mình. Một số phụ nữ trong mẫu nghiên cứu tâm sự rằng bản thân họ khi đã là dâu con trong gia đình nhà chồng thì phải dựa vào chồng, vào gia đình nhà chồng và phải cố sinh con trai để duy trì nòi giống cho gia đình nhà chồng. Một người mẹ 32 tuổi tâm sự: *“Thời buổi này thông tin đại chúng cũng tuyên truyền nhiều, các chị em phụ nữ cũng được tuyên truyền, rồi trên ti vi, báo chí, đài cũng tuyên truyền rất nhiều, nhưng định kiến từ thời xưa vẫn còn, bố mẹ chồng vẫn còn, ông bà chồng vẫn còn. Nói chung là kể cả bản thân mình thế này nhưng đôi khi vì lý do gia đình, lý do này lý do kia, đâm ra là nhiều khi mình không thể nào tự quyết định được, mặc dù nhiều khi mình đã được tuyên truyền, đã được nói, nhưng mà mình vẫn phải dựa vào chồng, vào gia đình nhà chồng”*.

Tương tự, người phụ nữ 36 tuổi cho rằng chị sẽ bị áp lực phải sinh con trai nếu như trong trường hợp các anh, em bên chồng sinh toàn con gái: *“Theo chị nghĩ là cái quan niệm về sinh con trai, thì riêng quan niệm đấy, thì không có gì thay đổi... Còn nếu như anh em nhà mình mà toàn con gái hết, không có con trai, mà chỉ trông chờ vào mình, thì chị nghĩ đấy là áp lực thực sự và đấy là có thật”*

Có thể thấy rằng, ngày nay công tác tuyên truyền đã có sự tác động không nhỏ đến suy nghĩ của người phụ nữ về việc sinh con, người phụ nữ đã nhận thức được rằng con nào cũng là con, không quan trọng con trai, con gái. Tuy nhiên từ nhận thức đến thay đổi hành vi thì đó là cả một quá trình, nó không thể thay đổi một sớm một chiều, khi mà hiện nay phần lớn các gia đình vẫn duy trì mô hình cư trú bên nội, người phụ nữ sau khi lấy chồng phải về gia đình chồng sinh sống, họ phải phụ thuộc vào chồng, vào gia đình nhà chồng, để làm hài lòng gia đình chồng họ phải sinh con trai để duy trì nòi giống cho gia đình chồng.

Một số người phụ nữ coi con trai là nhân tố củng cố mối quan hệ giữa

vợ và chồng, là một sự đảm bảo cho người vợ. Vì vậy, nếu người vợ chỉ sinh được con gái thì bản thân họ phải chịu một áp lực nặng nề về nguy cơ chồng họ sẽ đi kiếm con trai bên ngoài. Một người mẹ 47 tuổi trong cuộc nghiên cứu này đã tâm sự rằng: “*Mình không có con trai thì sợ chồng mình lòng thông thế này thế nọ. Mình có con trai thì nó cũng đỡ đi*”.

Đề cập về áp lực từ người chồng đối với việc sinh con trai, một phụ nữ 47 tuổi chia sẻ: “*Thực ra người ta lấy chồng thì người ta cũng muốn có nếp có tẻ, nhưng bây giờ không có thì phải chịu, có phải là tự người ta sinh ra được đàn, phải vợ với chồng. Thế sinh con gái ta thì lại út chửa. Tự mình, tự sinh tự đẻ, tự làm được thì bảo là đỡ danh. Nhưng dòng này là mình không thể tự được, có cả người họ và người mẹ kết hợp. Thì thôi, con nào cũng là con. Nhưng mà đàn ông thì người ta lại không thể. Người ta cứ thích con trai nhiều hơn*”.

Bên cạnh áp lực từ phía chồng, người phụ nữ còn chịu áp lực từ phía gia đình nhà chồng, của họ hàng, xã hội. Một phụ nữ 60 tuổi tâm sự: “*Người phụ nữ cũng khổ lắm, cũng do sức ép của xã hội, của gia đình, bạn bè. Khi mà vợ đi đẻ, chồng ở nhà nhốt gà lợn, đến khi vợ đẻ ở trạm xá, em vợ về thông tin là, anh ơi, chị lại đẻ con gái rồi, chồng thả gà ra, đi chơi luôn, về cũng không quan tâm lắm, xong lại nói vợ là không biết đẻ. Thực sự có chị cũng tâm sự với chị là: chị ơi em cũng khổ lắm, nhưng đôi khi bọn em cũng cứ phải nín để quên đi mà chột bữa bưng chai mà kiếm sống*”.

Khi đề cập về áp lực của gia đình đối với người phụ nữ không sinh được con trai, một người phụ nữ 56 tuổi cho rằng: “*(Trong gia đình) giá sử như bây giờ có 2 người con đàn, người mà không đẻ được con trai thì kiểu gì cũng phải có thiệt thòi, giá sử người ta nói mất và cần là tư tưởng của mình nó tâm đi*”. Áp lực của người phụ nữ chỉ mất đi khi họ sinh được con trai. Vẫn chị trên cho biết: “*Khi chi sinh cháu trai ra, các ông các bà mừng lắm. Ông nội bà nội, ông ngoại bà ngoại chỉ có chuyén tay nhau bế mấy ngày đấy, chi không phải ôm cháu ngoài những lúc cho ăn. Được cháu trai, lúc bấy giờ hai bên nội ngoại đều mừng cả*”.

Như vậy, áp lực từ phía chồng, gia đình nhà chồng, cộng đồng có vai trò đáng kể trong việc duy trì tâm lý ưa thích con trai. Mọi người mong mỏi có con trai, ưa thích con trai không chỉ đơn giản là việc mang lại niềm vui, hạnh phúc cho cả gia đình mà nó còn là người giúp cho đời bố mẹ “đài hơn”, nó đảm bảo cho mối quan hệ vợ chồng được tốt đẹp, nó giúp người phụ nữ khẳng định vị trí của mình trong gia đình.

Nếu như trước đây, muốn có con trai chỉ có cách đẻ nhiều cho tới khi

có con trai mới thôi do vậy TSGTKS ở lần sinh cuối cùng rất cao. Trong nhân khẩu học người ta gọi đây là “*quy luật đòng*” hay nói một cách khác là yếu tố giới tính đã quyết định việc *đòng sinh* để hơn là số con đã có. Khi mức sinh cao, với Tổng tỷ suất sinh (số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) khoảng 6 con, chỉ có khoảng 1.5% phụ nữ không có con trai. Chính vì thế, ở Việt Nam giai đoạn 1988-1997, mặc dù TSGTKS ở lần sinh cuối cùng lên tới 134,2 nhưng TSGTKS nói chung cũng chỉ lên tới 107. Từ đầu những năm 2000 (trùng với việc nở rộ các dịch vụ siêu âm, mở rộng các dịch vụ hành nghề y tế tư nhân cùng với việc nạo phá thai dễ dàng), do mức sinh giảm nhanh cùng với việc tiếp cận dễ dàng các kỹ thuật lựa chọn giới tính trước sinh, “*quy luật đòng*” ở Việt Nam cũng đã có những sự thay đổi: một mặt, một số cặp vợ chồng đã chủ động tìm kiếm các kỹ thuật lựa chọn giới tính trước sinh ngay từ lần sinh thứ nhất; nếu chưa được như mong muốn, họ sẽ tìm kiếm dịch vụ trong những lần có thai sau: TSGTKS trong lần sinh thứ ba trở lên ở nhóm các bà mẹ chưa có con trai lên tới 130, còn TSGTKS nói chung ở thời gian này là 110 (Dương Quốc Trọng, 2011).

Sự phát triển của công nghệ siêu âm giúp cho các bậc làm cha làm mẹ theo dõi được tình hình sức khỏe của con trước sinh nhưng mặt trái là dẫn đến hành vi “lựa chọn giới tính có chủ định”. Kết quả nghiên cứu của Gammeltoft và cộng sự (2007) đã cảnh báo về tình trạng “*lạm dụng siêu âm sản khoa*” tại các khu vực đô thị Việt Nam hiện nay khi việc xác định lại giới tính thai nhi bằng siêu âm là mục tiêu chính của những lần khám thai. Người dân tại Hưng Yên cũng nhận thấy rằng “*nhiều khi là tự khoa học, khoa học tiên tiến quá nên nó mới thế. Trường hợp bây giờ báo có khi 4 tuần tuổi người ta đã xác định được giới tính, không là nó loại luôn. Nhiều người có chữa là bắt đầu siêu âm để lựa chọn, con trai thì để, con gái thì bỏ*” (Nữ 49 tuổi).

Nhiều cặp vợ chồng lạm dụng những tiến bộ khoa học công nghệ để thực hiện lựa chọn giới tính trước sinh như: áp dụng ngay từ trước lúc thụ thai (chế độ ăn uống, chọn ngày phóng noãn...); trong lúc thụ thai (chọn thời điểm phóng noãn, chọn phương pháp thụ tinh, lọc rửa tinh trùng để chọn tinh trùng mang nhiễm sắc thể Y...); hoặc khi đã có thai (sử dụng siêu âm, bắt mạch, chọc hút dịch ối,...) để chẩn đoán giới tính, nếu là thai trai thì họ để lại, nếu là thai gái thì bỏ đi...

Một phụ nữ 56 tuổi, chia sẻ về mặt trái của công nghệ siêu âm, cho biết trong thời gian đầu nếu như các cặp vợ chồng mong muốn có con trai, họ sẽ đi siêu âm để biết giới tính của thai nhi, nếu là con trai thì họ giữ lại

còn nếu là con gái thì họ sẽ nạo thai: “Cái đây một phần do khoa học kỹ thuật nhiều, do muốn có con trai họ đi siêu âm các thứ, họ không muốn mình có con gái họ muốn mình có con trai thì họ nạo thai, nói chung, do khoa học tiến bộ nhiều cũng ảnh hưởng đến tình trạng mất cân bằng giới tính”.

Một yếu tố khác cũng góp phần làm tăng TSGTKS ở Việt Nam là việc thực hiện không bình đẳng chính sách mỗi gia đình chỉ có “một hoặc hai con” giành cho tất cả mọi người. Chính sách mỗi cặp vợ chồng chỉ sinh 1-2 con đã gây áp lực lớn cho các cặp vợ chồng, khi họ vừa muốn không bị vi phạm luật nhưng lại mong muốn trong số đó phải có con trai vì vậy họ đã sử dụng các dịch vụ lựa chọn giới tính trước sinh để đáp ứng được cả 2 mục tiêu, việc họ tìm đến các trung tâm xác định giới tính là điều tất yếu.

Nói về nguyên nhân dẫn đến việc bé trai nhiều hơn bé gái, người phụ nữ 46 tuổi cho biết: “Để một hai con thôi thế cho nên là người ta cứ thích là có con trai hơn để nối dõi tông đường, chứ con gái thì không có người thờ cúng, không ở với bố mẹ thì nó không vui. Thế nên nhiều người thấy có con gái là nạo đi còn con trai thì họ để, thế nên con gái ít hơn con trai” (Nữ 46 tuổi).

Một người đàn ông tham gia cuộc nghiên cứu này nhận định rằng: “Theo chủ thì từ khi áp dụng chương trình kế hoạch hóa gia đình, mỗi gia đình sinh từ 1 đến 2 con, rồi quan niệm sinh con trai nên dẫn đến sự mất cân bằng giới tính vì cũng có sự can thiệp vào các cặp vợ chồng khi mà khoa học phát triển, rồi hiện pháp này, biện pháp khác phát hiện được giới tính thai nhi” (Nam 52 tuổi, một con gái).

Tương tự, người phụ nữ 46 tuổi cũng cho biết: “Do thúc ép chỉ sinh được một đến hai con nên họ cố soi cố ép để có con trai, chứ ngày xưa cứ có đến khi nào có con trai thì thôi” (Nữ 46 tuổi).

Như vậy, sự kết hợp của ba yếu tố, việc hạn chế sinh đẻ cộng với mong muốn có con trai và việc dễ dàng tiếp cận phương tiện chuẩn đoán thai nhi sớm là nguyên nhân dẫn đến làm cho tỷ lệ bé trai được sinh ra nhiều hơn so với bé gái được người đàn ông nhận thức rất rõ: “Trước kia các cụ không kế hoạch, nhưng bây giờ không dễ nhiên như các cụ ngày xưa được cho nên giờ là theo chỉ nguyên nhân của chênh lệch nam nữ là do cái máy siêu âm. Về sinh con thì lúc nào cũng chỉ 1 đến 2 con, sinh con có kế hoạch. Sinh ít mà lương tâm ai cũng thế thôi, ai cũng mong mỏi là làm sao có nếp có tẻ, có nam vẫn hơn. Ví dụ có hai con rồi, muốn sinh đứa thứ ba thì lại đi siêu âm và nếu không thì bỏ. Vậy là do cái máy siêu âm và do con người

lúc nào cũng hướng về là con trai hơn con gái” (Nữ 46 tuổi).

## 2. Hậu quả của việc mất cân bằng giới tính khi sinh

Mất cân bằng giới tính khi sinh nếu phát triển nhanh và lan rộng thì nó sẽ dẫn đến những hậu quả rất nghiêm trọng trong tương lai, ảnh hưởng đáng kể đến cơ cấu giới tính và nhân khẩu học.

Người đàn ông 62 tuổi, có một con trai, nhận thức được rằng: “*Khi mất cân bằng giới tính thì đương nhiên nó sẽ ảnh hưởng đến đời sống xã hội, ảnh hưởng đến đạo đức lối sống. Như bên Trung Quốc là đã chao đảo. Quan điểm của chú là cố gắng làm sao cho nó phát triển tự nhiên đừng can thiệp vào. Các ngành, các tổ chức làm sao cố gắng tuyên truyền. Nhưng điều này cũng khó, phải làm sao mà toàn xã hội cùng tham gia thì mới can thiệp được. Nếu công tác kế hoạch hóa gia đình không tốt thì sau này nó sẽ không hài hòa*” (Nam 62 tuổi).

Lo lắng về tương lai sau này không có “cô dâu”, một phụ nữ 35 tuổi bày tỏ: “*...Thế nên là mình phải gặp gỡ chia sẻ từ bây giờ và tự nhiên họ cũng thấy là con gái cũng có giá lắm chứ! Không phải mỗi con giai có giá, con giai bây giờ là đang lo đày em ạ! Lo ít nữa nhè nào cũng toàn con giai thì lấy đâu ra cô dâu để lấy vợ, đúng không? Dấy cứ thích con giai làm gì, không lấy được vợ thì chết dở, đúng không!*” (Nữ 35 tuổi).

Tương tự, một người phụ nữ 49 tuổi cũng đồng quan điểm cho rằng: “*Mai mới mà con trai nhiều hơn con gái, sau 20 năm sau thì xã hội sẽ có rất nhiều cái phức tạp, rất là trì trệ*” (Nữ 49 tuổi).

Trong những năm về sau, khi con trai nhiều hơn con gái thì việc dựng vợ cho con trai được cho sẽ là một gánh nặng về kinh tế đối với các bậc làm cha, làm mẹ như lo ngại của người đàn ông 58 tuổi: “*Con trai sau này khó lấy vợ, con gái ít nên con trai sau này giàu có mới lấy được vợ, mấy anh thanh niên mới có một cô nên sau này nó mới phức tạp. Không cân bằng giới tính rất nguy hiểm. Nhà nước mình phải có chính sách như thế nào chứ nếu không thì phức tạp lắm. Như thằng cháu nội tôi là con trai thì sau này lại khó lấy vợ. Vĩa rói ở phố này sinh 6 – 7 đứa toàn con trai chẳng thấy con gái đâu cả*” (Nam 58 tuổi).

Hậu quả của hiện tượng bé trai nhiều hơn bé gái không những không cải thiện được vị thế của người phụ nữ mà thậm chí còn làm gia tăng thêm sự bất bình đẳng giới như: nhiều phụ nữ phải kết hôn sớm hơn, tỷ lệ ly hôn và tái hôn của phụ nữ sẽ tăng cao, tình trạng bao hành giới, mua dâm, buôn bán phụ nữ sẽ gia tăng.... “*Mất cân bằng giới tính thì nó sẽ xảy ra nhiều*



*cái tệ nạn xã hội, vấn đề xã hội ví dụ như là bất cóc phụ nữ này, rồi là buôn bán phụ nữ trẻ em. Theo tôi nghĩ thì ví dụ nó cứ chênh lệch như thế, 115 nam mới có 100 nữ, dừ ra tới 15 người đàn ông thì không lưu sau này xã hội giới tính người ta áy như thế nào. Cũng mong nhà nước điều chỉnh cho nó cân bằng” (Nữ 46 tuổi).*

Việc mãi mê theo đuổi mục đích sinh con trai tác động rất lớn đến người phụ nữ không chỉ về mặt kinh tế mà còn về mặt sức khỏe: *“Chị nghĩ là thứ nhất nếu cứ theo đuổi mãi việc sinh con thì nó mang lại hậu quả cho người nữ giới là sinh con nhiều thì nó giảm sức khỏe, đấy là điều thứ nhất. Thứ hai là khi kế hoạch chỉ 1- 2 con mà lại muốn lựa chọn giới cho con thì sẽ phải nạo hút và như thế cũng lại ảnh hưởng đến nữ giới” (Nữ 44 tuổi)*

Sự mất cân bằng giới tính không chỉ mang lại hậu quả cho từng cá nhân, cho mỗi gia đình mà nó sẽ có những tác động rất tiêu cực tới sự phát triển xã hội. Mất cân bằng giới tính có thể sẽ phát triển các tệ nạn xã hội và làm mất trật tự và an toàn xã hội. Người phụ nữ 46 tuổi cho rằng: *“Mất cân bằng giới tính thì dẫn đến tệ nạn như Trung Quốc, không đủ một vợ một chồng, rồi tỉ lệ lao động không cân bằng, như vậy sẽ bị mất tài trợ của các nước ngoài. Nên không cần thận là sẽ nghèo đi...”*

Dự đoán trước được những hệ quả do mất cân bằng giới tính mang lại, một số người đàn ông mong muốn Nhà nước có những biện pháp, chính sách can thiệp kịp thời. *“Gần đây người ta bảo cấm không cho biết giới tính thai nhi nhưng cấm làm sao được nên dẫn đến tỷ lệ nam nữ chênh lệch... ..Chú nghĩ nó có rất nhiều nguyên nhân, cái thứ nhất về tư tưởng của những người làm cha làm mẹ, tư tưởng không được trọng nam khinh nữ. Và phải làm thật may ông siêu âm 50.000 đồng là cho biết giới tính nam hay nữ khi có thai 6, 7 tuần. Rồi thì tôi nghĩ pháp luật phải nghiêm trị những người làm nghề mất dao dốt ấy và giới truyền thông tăng cường tuyên truyền về việc mất cân bằng giới tính, cân bằng thì có lợi như nào và mất cân bằng thì có hại như thế nào...” (Nam 58 tuổi).*

Như vậy, mất cân bằng giới tính sẽ dẫn đến hiện tượng dư thừa nam giới, vị thế của người phụ nữ cũng không được nâng cao mà họ còn phải chịu nhiều áp lực mới, quá trình phát triển của xã hội cũng bị ảnh hưởng bởi những tác động tiêu cực mà nó mang lại.

### 3. Kết luận

Có thể thấy rằng trong bối cảnh mức sinh giảm và những thay đổi kinh tế-xã hội trong những thập kỷ gần đây, quy mô gia đình nhỏ đã trở thành

một chuẩn mực được chấp nhận rộng rãi. Công tác tuyên truyền đã có sự tác động không nhỏ đến suy nghĩ của người phụ nữ về việc sinh con. Người phụ nữ đã nhận thức được rằng con nào cũng là con, không quan trọng con trai hay con gái. Tuy nhiên từ nhận thức đến thay đổi hành vi là cả một quá trình, nó không thể thay đổi một sớm một chiều, khi mà hiện nay phần lớn các gia đình vẫn duy trì mô hình cư trú bên nội, người phụ nữ sau khi lấy chồng phải về gia đình chồng sinh sống, phải phụ thuộc vào chồng, vào gia đình nhà chồng, để làm hài lòng gia đình chồng họ phải sinh con trai để duy trì nòi giống cho gia đình chồng. Như vậy, áp lực từ phía chồng, gia đình nhà chồng, cộng đồng có vai trò đáng kể trong việc duy trì tâm lý ưa thích con trai. Nhiều cặp vợ chồng lạm dụng những tiến bộ khoa học công nghệ để thực hiện lựa chọn giới tính trước sinh. Sự kết hợp của ba yếu tố: việc hạn chế sinh đẻ, mong muốn có con trai và việc dễ dàng tiếp cận phương tiện chuẩn đoán thai nhi sớm là nguyên nhân dẫn đến làm cho tỷ lệ bé trai được sinh ra nhiều hơn so với bé gái được người dân nhận thức rất rõ. Người dân nhận thức được rằng hiện tượng bé trai nhiều hơn bé gái không những không cải thiện được vị thế của người phụ nữ mà thậm chí còn làm gia tăng thêm sự bất bình đẳng giới như: nhiều phụ nữ phải kết hôn sớm hơn, tỷ lệ ly hôn và tái hôn của phụ nữ sẽ tăng cao, tình trạng bạo hành giới, mua dâm, buôn bán phụ nữ. Ngoài ra, việc mãi mê theo đuổi mục đích sinh con trai tác động rất lớn đến người phụ nữ không chỉ về mặt kinh tế mà còn về mặt sức khỏe. Dự đoán trước được những hậu quả tiêu cực do mất cân bằng giới tính mang lại, một số người dân mong muốn Nhà nước có những biện pháp, chính sách can thiệp kịp thời. ■

#### Tài liệu tham khảo

- Khuất Thu Hồng. 2010. Có con trai và giữ gia đình quy mô nhỏ: Thách thức lớn đối với gia đình Việt Nam. *Tạp chí Dân số và Phát triển*, số 11 (116), 2010.
- Lê Ngọc Văn. 2011. *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- UNFPA. 2010. Mất cân bằng giới tính khi sinh ở Việt Nam: Bằng chứng từ Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009.
- UNFPA. 2011. Sự ưa thích con trai ở Việt Nam: Ước muốn thâm căn, công nghệ tiên tiến.
- Dương Quốc Trọng. 2011. Tỷ số giới tính khi sinh ở Việt Nam: Các đặc điểm cơ bản và giải pháp. *Tạp chí Dân số và Phát triển*, số 7 (124), 2011.
- Gammeltoft, T. and Nguyễn Thị Thúy Hạnh. 2007. The Commodification of Obsteric Ultrasound Scanning in Hanoi, Vietnam. *Reproductive Health Matters* 29, 163 – 171.